



Happy new year

CHÚC MỪNG NĂM MỚI 2025

Ất Tỵ

THÁNG MỘT 1

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
		1 ²¹	2 ²²	3 ²³	4 ²⁴	5 ²⁵
6 ²⁶	7 ²⁷	8 ²⁸	9 ²⁹	10 ³⁰	11 ³¹	12 ¹
13 ²	14 ³	15 ⁴	16 ⁵	17 ⁶	18 ⁷	19 ⁸
20 ⁹	21 ¹⁰	22 ¹¹	23 ¹²	24 ¹³	25 ¹⁴	26 ¹⁵
27 ¹⁶	28 ¹⁷	29 ¹⁸	30 ¹⁹	31 ²⁰		

* 1/1: Tết Nguyên Đán
* 2/1: Ngày Quốc tế Trẻ em (1/1)

2 THÁNG HAI

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
					1 ²¹	2 ²²
3 ²³	4 ²⁴	5 ²⁵	6 ²⁶	7 ²⁷	8 ²⁸	9 ²⁹
10 ³⁰	11 ³¹	12 ¹	13 ²	14 ³	15 ⁴	16 ⁵
17 ⁶	18 ⁷	19 ⁸	20 ⁹	21 ¹⁰	22 ¹¹	23 ¹²
24 ¹³	25 ¹⁴	26 ¹⁵	27 ¹⁶	28 ¹⁷		

3 THÁNG BA

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
31 ²⁰					1 ²¹	2 ²²
3 ²³	4 ²⁴	5 ²⁵	6 ²⁶	7 ²⁷	8 ²⁸	9 ²⁹
10 ³⁰	11 ³¹	12 ¹	13 ²	14 ³	15 ⁴	16 ⁵
17 ⁶	18 ⁷	19 ⁸	20 ⁹	21 ¹⁰	22 ¹¹	23 ¹²
24 ¹³	25 ¹⁴	26 ¹⁵	27 ¹⁶	28 ¹⁷	29 ¹⁸	30 ¹⁹

4 THÁNG TƯ

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
	1 ²¹	2 ²²	3 ²³	4 ²⁴	5 ²⁵	6 ²⁶
7 ²⁷	8 ²⁸	9 ²⁹	10 ³⁰	11 ³¹	12 ¹	13 ²
14 ³	15 ⁴	16 ⁵	17 ⁶	18 ⁷	19 ⁸	20 ⁹
21 ¹⁰	22 ¹¹	23 ¹²	24 ¹³	25 ¹⁴	26 ¹⁵	27 ¹⁶
28 ¹⁷	29 ¹⁸	30 ¹⁹				

* 1/4: Ngày Lễ 30 Tháng Tư (1/4)
* 2/4: Ngày Quốc tế Phụ nữ (2/4)

5 THÁNG NĂM

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
			1 ²¹	2 ²²	3 ²³	4 ²⁴
5 ²⁵	6 ²⁶	7 ²⁷	8 ²⁸	9 ²⁹	10 ³⁰	11 ³¹
12 ¹	13 ²	14 ³	15 ⁴	16 ⁵	17 ⁶	18 ⁷
19 ⁸	20 ⁹	21 ¹⁰	22 ¹¹	23 ¹²	24 ¹³	25 ¹⁴
26 ¹⁵	27 ¹⁶	28 ¹⁷	29 ¹⁸	30 ¹⁹	31 ²⁰	

* 1/5: Ngày Quốc tế Lao động (1/5)

6 THÁNG SÁU

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
30 ¹⁹						1 ²⁰
2 ²¹	3 ²²	4 ²³	5 ²⁴	6 ²⁵	7 ²⁶	8 ²⁷
9 ²⁸	10 ²⁹	11 ³⁰	12 ³¹	13 ¹	14 ²	15 ³
16 ⁴	17 ⁵	18 ⁶	19 ⁷	20 ⁸	21 ⁹	22 ¹⁰
23 ¹¹	24 ¹²	25 ¹³	26 ¹⁴	27 ¹⁵	28 ¹⁶	29 ¹⁷

7 THÁNG BẢY

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
	1 ²¹	2 ²²	3 ²³	4 ²⁴	5 ²⁵	6 ²⁶
7 ²⁷	8 ²⁸	9 ²⁹	10 ³⁰	11 ³¹	12 ¹	13 ²
14 ³	15 ⁴	16 ⁵	17 ⁶	18 ⁷	19 ⁸	20 ⁹
21 ¹⁰	22 ¹¹	23 ¹²	24 ¹³	25 ¹⁴	26 ¹⁵	27 ¹⁶
28 ¹⁷	29 ¹⁸	30 ¹⁹	31 ²⁰			

8 THÁNG TÁM

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
					1 ²¹	2 ²²
4 ²³	5 ²⁴	6 ²⁵	7 ²⁶	8 ²⁷	9 ²⁸	10 ²⁹
11 ³⁰	12 ³¹	13 ¹	14 ²	15 ³	16 ⁴	17 ⁵
18 ⁶	19 ⁷	20 ⁸	21 ⁹	22 ¹⁰	23 ¹¹	24 ¹²
25 ¹³	26 ¹⁴	27 ¹⁵	28 ¹⁶	29 ¹⁷	30 ¹⁸	31 ¹⁹

9 THÁNG CHÍN

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
1 ²⁰	2 ²¹	3 ²²	4 ²³	5 ²⁴	6 ²⁵	7 ²⁶
8 ²⁷	9 ²⁸	10 ²⁹	11 ³⁰	12 ³¹	13 ¹	14 ²
15 ³	16 ⁴	17 ⁵	18 ⁶	19 ⁷	20 ⁸	21 ⁹
22 ¹⁰	23 ¹¹	24 ¹²	25 ¹³	26 ¹⁴	27 ¹⁵	28 ¹⁶
29 ¹⁷	30 ¹⁸					

* 2/9: Quốc khánh Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

10 THÁNG MƯỜI

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
		1 ²¹	2 ²²	3 ²³	4 ²⁴	5 ²⁵
6 ²⁶	7 ²⁷	8 ²⁸	9 ²⁹	10 ³⁰	11 ³¹	12 ¹
13 ²	14 ³	15 ⁴	16 ⁵	17 ⁶	18 ⁷	19 ⁸
20 ⁹	21 ¹⁰	22 ¹¹	23 ¹²	24 ¹³	25 ¹⁴	26 ¹⁵
27 ¹⁶	28 ¹⁷	29 ¹⁸	30 ¹⁹	31 ²⁰		

11 THÁNG MƯỜI MỘT

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
					1 ²¹	2 ²²
3 ²³	4 ²⁴	5 ²⁵	6 ²⁶	7 ²⁷	8 ²⁸	9 ²⁹
10 ³⁰	11 ³¹	12 ¹	13 ²	14 ³	15 ⁴	16 ⁵
17 ⁶	18 ⁷	19 ⁸	20 ⁹	21 ¹⁰	22 ¹¹	23 ¹²
24 ¹³	25 ¹⁴	26 ¹⁵	27 ¹⁶	28 ¹⁷	29 ¹⁸	30 ¹⁹

12 THÁNG MƯỜI HAI

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
1 ²⁰	2 ²¹	3 ²²	4 ²³	5 ²⁴	6 ²⁵	7 ²⁶
8 ²⁷	9 ²⁸	10 ²⁹	11 ³⁰	12 ³¹	13 ¹	14 ²
15 ³	16 ⁴	17 ⁵	18 ⁶	19 ⁷	20 ⁸	21 ⁹
22 ¹⁰	23 ¹¹	24 ¹²	25 ¹³	26 ¹⁴	27 ¹⁵	28 ¹⁶
29 ¹⁷	30 ¹⁸	31 ¹⁹				

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LẠNG SƠN

Địa chỉ: 638 Đường Bà Triệu - Phường Đông Kinh - Thành phố Lạng Sơn

Điện thoại: (0205) 3 871.906 - Fax: (0205) 3 872.075

Chịu trách nhiệm xuất bản:
ThS: Nguyễn Thị Hà
- Giám đốc Sở

Tham gia Biên tập:
CN: Bế Thị Thu Hiền
ThS: Nông Hà Thơ
ThS: Đỗ Thu Hạnh
ThS: Nguyễn Minh Huân
ThS: Hoàng Thị Hiền
ThS: Nguyễn Trịnh Minh Hằng

Với sự tham gia
của các ngành: Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn;
Khí tượng Thủy văn

NXB THANH NIÊN
Số ĐKKHB: 4481-2024/CXBIPH/46-140/TN
Quyết định XB số: 436/QĐL-NXB TN
Số lượng 1.500 bản, khổ 50x70cm.
In tại công ty CP Thiên Ngân Lạng Sơn
Địa chỉ: Số 173 Bến Bắc, P. Tam Thanh, TP. Lạng Sơn
Hotline: 0822.350.333 / 0825.350.333

Kính tặng!

QUY TRÌNH CHĂN NUÔI VỊT CỔ XANH LẠNG SƠN THƯƠNG PHẨM

1. Giới thiệu giống

Vịt cổ xanh Lạng Sơn mới nở có lông màu đen, có 4 chấm vàng trên lưng, phía trước ngực có lông màu vàng, vị trống có màu lông xám đậm đầu và cổ có màu lông xanh đậm, vịt mái trưởng thành có màu lông cánh sẫm, lông cánh màu xanh đen, mỏ và chân màu vàng nhạt, có con màu xám, có trung bình. Vịt nuôi sinh sản tuổi đẻ là 23 - 24 tuần tuổi, khối lượng vịt vào đẻ 2,3 - 2,6 kg/con, năng suất trứng từ 170 - 175 quả/mái/năm, khối lượng trứng 80 - 85g. Vịt nuôi thương phẩm có khối lượng có thể khi xuất bán là 2,3 - 2,6kg/con, tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng 3,2 - 3,3kg.

Vịt cổ xanh Lạng Sơn nuôi được theo các phương thức khác nhau như nuôi nhốt trên khô không cần nước bơi lội, nuôi nhốt trong vườn cây, vườn dổi, nuôi nhốt kết hợp cá - vịt, cá - lúa - vịt, lúa - vịt, đặc biệt vịt thích nghi tốt với điều kiện nuôi thả nuôi.

2. Chuồng trại và thiết bị

Đối với phương thức chăn nuôi có truyền trong nông hộ mang tính chất nhỏ lẻ, tự cung tự cấp cần phải nuôi nhốt lại và làm chuồng nuôi độc lập với nhà ở.

Đối với chăn nuôi gia trại, trang trại theo hình thức bán công nghiệp và công nghiệp với quy mô vừa và lớn, cần phải xây dựng chuồng trại biệt lập với khu dân cư, cách xa khu đô thị, đường giao thông, khu công nghiệp, trường học, bệnh viện. Khu chăn nuôi phải có tường rào bao quanh, nên quy hoạch có vành đai an toàn, không nuôi chung giữa các loại gia súc và gia cầm. Xây dựng chuồng trại phải phù hợp cho từng giai đoạn của vịt: chuồng nuôi vịt con, chuồng nuôi vịt hậu bị, chuồng nuôi vịt sinh sản.

Vị trí gia trại, trang trại phải cao ráo, sạch sẽ và thoáng mát, điều kiện chuồng trại phải phù hợp với quy mô chăn nuôi. Xây dựng chuồng trại phải có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác vệ sinh phòng dịch và an toàn sinh học. Riêng nuôi nhốt nên có sân chơi cho vịt (chuồng thông thoáng tự nhiên) thì sẽ thuận lợi cho công tác vệ sinh thường xuyên và xử lý môi trường đồng thời chi phí cũng giảm nhiều so với nuôi chuồng kín. Nếu có sân chơi thì diện tích sân chơi tối thiểu phải đủ diện tích chuồng nuôi là phù hợp.

Cần có vò có nước uống định nuôi, phương thức nuôi, loại vịt để có nhu cầu chuồng trại cho thích hợp.

Chuồng trại cho vịt nên làm đơn giản không cần kiến cơ những phải đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ẩm về mùa đông, chuồng không bị mưa hắt, nắng không chiếu vào ổ đẻ. Có thể làm bằng lưới, tre, nứa, lá hoặc làm chuồng sàn trên ao hồ, trên bê (phải quay góc).

Diện tích chuồng nuôi cần có vào mặt đất để xác định nhu cầu làm chuồng nuôi cho phù hợp: Nhu cầu mặt đất chuồng nuôi như sau:

Tuổi	Nuôi không cần nước bơi lội (con/m ²)			Nuôi có nước bơi lội (con/m ²)	
	Nhốt trong chuồng	Chuồng có sân chơi	Chuồng + Vườn cây	Chuồng + nhốt trên ao, sông, suối	Chuồng + nhốt trên ruộng lúa
Tuần đầu	30 - 35	30 - 35	30 - 35	30 - 35	30 - 35
2 - 4 tuần	10 - 15	15 - 20	15 - 20	15 - 20	15 - 20
5 - 12 tuần	5 - 6	6 - 8	8 - 10	8 - 10	8 - 10

Nếu mặt đất cao quá làm giảm năng suất và tiêu khế hậu chuồng nuôi xấu đi. Nhưng nếu mặt đất thấp sẽ không kinh tế khi sử dụng chuồng trại.

Nên chuồng có thể lát gạch, xi măng + cát không được lát gạch hoa và đánh bóng, có thể lán nèn bằng cát.

Độn chuồng bằng trấu hoặc phối bã hoặc rơm rạ băm nhỏ nhưng không bị hôi mốc. Thường xuyên bổ sung thêm độn chuồng làm cho độn chuồng khô, chuồng vịt ngăn sản sản độn chuồng dày 10 - 15cm.

Các ổ chuồng không nên làm quá rộng, ngăn thành ở tối đa 200 con vịt.

* Sân chơi: Diện tích sân chơi yêu cầu gấp 2 - 3 lần diện tích trong chuồng, nuôi khô hoàn toàn không có diện tích chăn thả thì sân chơi gấp 3 lần diện tích trong chuồng. Sân chơi đặt ra ngoài để thoát nước, độ sân chơi nên có cây bóng mát để chắn gió và che nắng. Nếu vịt nuôi trên khô thì song song với chuồng là máng uống nước có tấm ngăn tránh vịt vào bơi. Nếu sử dụng máng bơi phải thường xuyên thay nước.

Sân chơi bằng phẳng, không đọng nước, có thể lát gạch hoặc bê tông. Đối với nuôi thả trên vườn cây, nuôi trên ao, nuôi ở ruộng lúa phải có vây để quay vịt cho cố định không nên thả rong.

Nên làm chuồng không gần đường tránh những nơi có tác động âm thanh và ánh sáng mạnh và đột ngột.

* Máng ăn, máng uống: Chuẩn bị đầy đủ máng ăn máng uống cho vịt, giai đoạn vịt con dùng máng tròn hoặc met tre hoặc tấm nilông cho vịt ăn. Có thể sử dụng máng ăn, máng uống bằng xây gạch và bê tông, máng uống phải để hoặc xây ở ngoài sân chơi tránh ướt chuồng nuôi.

* Các trang thiết bị: Chuẩn bị việc thấp sáng và sưởi ấm cho vịt giai đoạn nhỏ như bóng điện, chụp sưởi nhưng nơi không có điện phải sử dụng đèn dầu hoặc bếp than...

Nuôi bán thâm canh phải chuẩn bị vầy rãnh, lưới hoặc cốt để quay vịt.

3. Chọn giống đẻ nuôi

Khi nuôi phải chọn đúng giống đúng chủng loại để nuôi, nếu nuôi con thương phẩm phải lấy từ những đàn giống bố mẹ.

+ **Chọn ở 1 ngày tuổi:** Chọn vịt phải nhanh nhẹn, bóng lông, khỏe mạnh không khô chân, nặng bụng, kheo chân, hở rốn, màu lông có màu đen có 4 chấm màu vàng ở trên lưng.

4. Thức ăn cho vịt

4.1. Loại thức ăn và chất lượng thức ăn

Sử dụng cho vịt cũng phải xuất phát từ các cơ sở sản xuất thức ăn đảm bảo công tác vệ sinh. Tăng cường sử dụng nguồn thức ăn địa phương như vẩy mồi có điều kiện hạ giá thành sản phẩm, nhưng nguồn thức ăn này cũng phải đảm bảo vệ sinh. Không sử dụng thức ăn mà có chất kích thích tăng trọng, có các hoá chất cấm có trong thức ăn.

Đối với vịt có thể sử dụng rất nhiều loại nguyên liệu, sản phẩm phụ nông nghiệp cho vịt ăn hoặc sử dụng thức ăn hỗn hợp dạng viên nhưng nuôi vịt nên tận dụng các loại thức ăn mà địa phương sản có thì giá thành hạ.

Những nguyên liệu thức ăn dùng được cho vịt: Gạo, thóc, ngô, đỗ tương, tấm, cám, cá tép, cua, ốc, don, đất..., bã bia bã rượu, khoai rau bèo... nếu thức ăn được nấu chín thì khả năng tiêu hoá và hấp thụ tốt hơn và có hiệu quả kinh tế hơn.

Khi sử dụng các loại thức ăn phải lưu ý không được mồi và ôi chua. Khi sử dụng bất kỳ loại thức ăn nào đều phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng/kg phù hợp cho từng giống vịt và từng giai đoạn vịt.

Tiêu chuẩn thức ăn cho vịt thương phẩm:

Giai đoạn	Protein (%)	Năng lượng (kcal)
Giai đoạn 0 - 4 tuần tuổi	20 - 21	2850 - 2900
Giai đoạn 5 - 10 tuần tuổi	18 - 19	3000 - 3100

4.2. Lượng thức ăn:

Đối với vịt nuôi thương phẩm được cho ăn tự do cả ngày và đêm.

5. Chăm sóc nuôi dưỡng

Mặc dù người chăn nuôi nuôi theo phương thức nào hoặc cách nào thì người chăn nuôi cần phải theo đúng quy trình kỹ thuật là một trong những tác động mạnh đến sức khỏe vật nuôi, giúp vật nuôi khỏe, đẻ khỏe đẻ tốt hơn. Phải tuân thủ quy trình chăm sóc nuôi dưỡng nghiêm ngặt cho vịt.

* Nhiệt độ chuồng nuôi:

Trước khi đưa vịt xuống chuồng nuôi thì chuồng nuôi phải được sưởi ấm, chuồng nuôi phải đảm bảo không có gió lùa.

Khi vịt ở trong máy ấp nở với điều kiện nhiệt độ trên 37°C khi chuyển xuống chuồng nuôi để đảm bảo cho vịt con khỏe mạnh nhiệt độ chuồng nuôi khi vịt 1 - 3 ngày tuổi phải đạt 28 - 32°C từ ngày tuổi thứ 4 trở đi mỗi ngày giảm 1°C cho tới khi đạt 25 °C.

Nhiệt độ chuồng nuôi được đo ở độ cao trên đầu vịt, mỗi quầy vịt con nhốt từ 75 - 100 con là một quầy. Khi vịt con đi lại bình thường và tản đều trong quầy hoặc trong chuồng thì khi đó nhiệt độ chuồng nuôi đảm bảo. Khi vịt tản ra xa nguồn nhiệt, há mỏ thì nhiều chứng tỏ nhiệt độ trong chuồng quá cao. Khi vịt con tùm tùm lại một chỗ gần nguồn nhiệt chứng tỏ nhiệt độ lên nhau thì khi đó nhiệt độ chuồng nuôi quá thấp. Khi vịt con nằm chụm lại một chỗ về một phía quầy hoặc một phía chuồng là do chuồng nuôi bị gió lùa. Sử dụng bóng điện, chụp sưởi để sưởi ấm cho vịt. Trung bình cứ 200w cho 75 con vịt và 140 con vịt cần 1 chụp sưởi. Ở những nơi không có điện cần sưởi ấm bằng đèn toạ sáng, nước nóng, bếp trấu, bếp than nhưng phải hạn chế khí CO₂.

* Ẩm độ không khí:

Ẩm độ thích hợp cho vịt con là 60 - 70 %, song ở nước ta ẩm độ không khí rất cao có khi lên tới 100%. Ẩm độ cao nguy hiểm cho vịt con, nên chuồng ướt làm cho vịt con cảm nhiễm bệnh dễ dàng, cho nên ẩm độ cho tới tối nhất như những ngày trời nồm cần phải dân vịt cho mát độ thừa ra đồng thời cần phải đảo chất độn chuồng và cho thêm chất độn chuồng khô hàng ngày để giữ cho vịt ẩm chân và sạch lông.

* Chế độ chiếu sáng cho vịt:

Từ tuần thứ 1 đến tuần thứ 2 thấp sáng cả ngày đêm cho vịt, sau đó thời gian thấp sáng là 16 - 18 giờ/ngày, ban ngày sử dụng ánh sáng tự nhiên. Cường độ ánh sáng cho vịt trong giai đoạn này là:

Từ 1 - 10 ngày tuổi 3 w/m2.

Từ 11 - 28 ngày tuổi 1,5w/m2. Trong thời gian này ban ngày sử dụng ánh sáng tự nhiên.

Ở những nơi không có điện cần thấp sáng bằng đèn dầu đảm bảo đủ ánh sáng để vịt đi lại an, uống mồi cách bình thường, chống xô đàn và đẻ lẫn nhau gây tỷ lệ chết cao.

* Thông thoáng:

Lượng cung cấp không khí phụ thuộc vào độ ẩm và quyết định bởi chất độn chuồng. Lượng không khí trao đổi phải đảm bảo sạch, cho những khí thải của phân được đưa ra ngoài. Trong giai đoạn vịt con 1 - 14 ngày tuổi cần chế gió thổi mạnh vào chuồng nuôi.

* Cung cấp nước uống:

Vịt là vật ăn cỏ cần rất nhiều nước uống, đảm bảo nước phải trong sạch và thường xuyên. Khi nuôi vịt theo phương thức nuôi khô không có nước bơi lội chỉ dùng nước cho vịt uống nhưng cần cho vật vẫn sử dụng nước uống để vẩy lên tấm khô cho nên lượng nước phải tăng gấp đôi so với nhu cầu nước uống và nước trong máng uống sẽ

nhánh bản do vậy phải cấp đủ và thay nước thường xuyên để đảm bảo nước uống luôn sạch sẽ. Lưu ý vịt ở tuần tuổi thứ nhất không cho uống nước lạnh dưới 10°C, tuần tuổi thứ 2 và 3 không cho uống nước lạnh dưới 6°C và cũng cần hạn chế vịt uống nước trên 25°C. Nhu cầu nước uống trung bình:

1 - 7 ngày tuổi : 120 mml/con/ngày.

8 - 14 ngày tuổi : 250 mml/con/ngày.

15 - 28 ngày tuổi : 350 mml/con/ngày.

Nước uống giai đoạn sau (5 - 12 tuần) nhu cầu cần 0,4 - 0,6 lít/con/ngày, luôn phải có nước sạch cho vịt uống. Ở giai đoạn này máng ăn vẫn để trong chuồng nuôi còn máng uống bố trí ở sân chơi để tránh bị ướt chuồng, máng uống nước không để quá xa nơi vịt ăn.

* Chăm sóc và nuôi dưỡng:

Vịt sau khi nở khô lông cho ăn uống càng sớm càng tốt nếu cho ăn uống muộn thì vịt dễ bị khô chân dẫn đến cứng hàm làm tỷ lệ hao hụt tuần đầu rất cao hoặc ảnh hưởng lớn đến khả năng sinh trưởng và phát triển của vịt.

Giai đoạn vịt từ 1 - 21 ngày tuổi: Dùng thức ăn hỗn hợp dạng viên hoặc gạo nấu thành cơm và trộn với thức ăn giàu đạm cho vịt ăn, sau 2 tuần có thể cho vịt ăn thóc luộc, tấm, ngô, gạo lứt, thóc luộc, thóc, đỗ tương, khô đỗ tương, cám gạo, bột cá nhạt, bột máu, bột đầu tôm, premix vitamin, khoáng, hoặc dùng cơm, tấm, ngô, gạo lứt, thóc luộc, thóc sống trộn với thức ăn đậm chất như: Tôm, tép, cua, ốc, giun đất, don, đất, rơm, bọ đỏ... và các loại côn trùng khác. Ở tất cả các giai đoạn nuôi vịt thì sử dụng thức ăn dưới dạng viên hoặc hạt nếu sử dụng thức ăn dạng bột thì lãng phí nhiều. Đối với vịt nuôi khi cho ăn trên nền hoặc nỉ lông phải rắc thức ăn đều và rộng để tất cả vịt được ăn cùng một lúc.

Không nên sử dụng khô đầu lạc trong khẩu phần ăn của vịt vì dễ bị nhiễm Aflatoxin, riêng ngô khi sử dụng cho vịt cần phải kiểm tra kỹ vì ngô rất hay bị mốc. Nên sử dụng các loại thức ăn sản có ở địa phương để hỗn hợp cho vịt ăn thì có giá thành hạ, kể cả các loại phụ phẩm như cám, bã bia, bã rượu, bã đậu..., đều sử dụng cho vịt ăn được nhưng phải đảm bảo yêu cầu không ôi chua và không mốc. Thức ăn có thể nấu chín để tăng khả năng tiêu hoá thức ăn của vịt.

Trước khi cho vịt ăn phải dọn sạch máng, quét bỏ những thức ăn thừa, hôi, thối và mốc, cho vịt ăn làm nhiều lần trong ngày để tránh rơi vãi và ôi chua, tách những con nhỏ cho ăn riêng để vịt được đều.

Hàng ngày phải bổ sung thêm chất độn chuồng cho vịt bằng trấu; phơi bã; có khô; rơm rạ. Theo dõi sức khỏe của đàn vịt, cần phải loại ra khỏi đàn những con ốm yếu và kém ăn để có biện pháp xử lý kịp thời.

* Kiểm tra đàn vịt:

Trạng thái đàn vịt cho phép ta đánh giá về sức khỏe của nó.

- Vịt con phân tán quá khắp chuồng chứng tỏ đàn vịt khỏe mạnh, thoải mái, nhiệt độ trong chuồng đúng yêu cầu.

- Vịt con dồn đông là do bị lạnh, nhiệt độ chuồng nuôi thấp.

- Vịt con nằm há mỏ mà cánh dơ lên là do nhiệt độ chuồng nuôi quá cao, vịt không chơi hoặc nằm ở khu vực nhất định là chắc chắn chuồng nuôi có gió lùa.

- Vịt bị bết dính là do chuồng ẩm, chế độ nuôi dưỡng kém.

- Kiểm tra sức khỏe đàn vịt hàng ngày: Những vật ốm yếu cần loại ngay ra khỏi đàn, khi đàn vịt biếng ăn, biếng uống, phân thay đổi phải báo ngay cho cán bộ thú y.

6. Công tác thú y

Vệ sinh thú y và phòng bệnh là một khâu quan trọng không thể thiếu được trong quá trình chăn nuôi vịt đảm bảo an toàn cho người sản xuất và đem lại hiệu quả kinh tế cao cho quá trình sản ra chăn nuôi. Thực tế sản xuất cho thấy khi con giống và thức ăn đã được giải quyết tốt về căn bản thì vệ sinh thú y và phòng bệnh quyết định sự thành bại của đàn chăn nuôi.

Mặc dù được coi là vật nuôi có khả năng thích nghi cao nhất với điều kiện ngoại cảnh, chịu được được một số bất lợi của môi trường sống, vịt vẫn thường xuyên bị một số căn bệnh quan trọng tấn công, gây thiệt hại nghiêm trọng. Một số bệnh ở vịt khi đã bột phát sẽ nhanh chóng lây lan cho cả đàn, cả vùng rộng lớn và kéo dài trong một thời gian mới có thể dập tắt được như bệnh dịch tả vịt, bệnh phó thương hàn, bệnh tụ huyết trùng và gần đây là bệnh viêm gan cúm... Chính vì vậy những hiểu biết cơ bản về vệ sinh thú y và phòng bệnh ban đầu là cần thiết và hỗ trợ đắc lực cho người chăn nuôi, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa.

Người chăn nuôi phải có bảo hộ đầy đủ: quần áo bảo hộ, ủng, găng tay, mũ, kính và phải được kiểm tra sức khỏe định kỳ.

6.1. Vệ sinh chuồng trại và thiết bị chăn nuôi

Chuồng trại đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ẩm về mùa đông, duy trì mật độ đúng yêu cầu và đủ diện tích cần thiết.

- Phải thực hiện nghiêm túc đầy đủ luật lệ về công tác phòng trừ dịch bệnh, trước của chuồng nuôi phải có hồ sơ quản lý. Trong chuồng nuôi chỉ nên có 1 loại vịt - ngăn và nếu có 2 đàn thì chỉ nên cách nhau không quá 7 ngày tuổi.

- Chuồng nuôi phải có chu kỳ luân chuyển hàng năm để có thời gian xử lý và trồng chuồng. Vịt nhập về phải nuôi cách ly từ 15 - 20 ngày và giữ đúng các nguyên tắc thú y quy định.

- Chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi phải được rửa để khử rêu xung quanh chuồng nuôi phải vệ sinh công nghiệp sau đó tiến hành vệ sinh tiêu độc định kỳ bằng một số thuốc sát trùng.

+ Với bột: rải với bột xung quanh và bên trong chuồng nuôi sau đó phải để 2 - 3 ngày rồi quét dọn lại lần nữa (Biện pháp này ít dùng vì để làm cho vịt hô hấp hít phải bụi với bột).

+ Nước vôi: dùng nước vôi mới tốt nhất nên chuồng, sân chơi và xung quanh tường phải để khô mới rải dọn chuồng và đưa vịt vào.

+ Dùng Formol (1 - 3%): Phun toàn bộ nền và tường chuồng.

+ Dùng Crezil (3 - 5%) để phun

+ Xông hơi bằng hỗn hợp formol và thuốc tím liều lượng cứ 17,5 gam thuốc tím + 35 ml Formol cho 1 m³ chuồng nuôi, khí xông hơi đòi hỏi chuồng phải kín mới có tác dụng.

- Độn chuồng: Độn chuồng bằng phơi bã, trấu hoặc rơm rạ, có khô cắt ngắn. Chất độn chuồng trước khi sử dụng phải được phơi khô, tiêu độc bằng các chất sát trùng kể trên, ủ một ngày, sau đó rải đều cho bay hơi hết mùi đưa vào chuồng.

Máng ăn, máng uống, lò sưởi, cốt quay vịt..., phải được rửa sạch sau đó sát trùng bằng một trong các loại thuốc sát trùng kể trên rồi chuẩn bị sẵn trong chuồng trước khi nhập vịt về.

6.2. Vệ sinh thức ăn, nước uống

- Thức ăn: Đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng khẩu phần theo như phần trên đã chỉ dẫn. Không cho vịt ăn các loại thức ăn ôi, mốc. Thức ăn bị nhiễm nấm mốc chứa nhiều độc tố của nấm mốc là một trong các nguyên nhân gây chết vịt đặc biệt là vịt con, và làm giảm tỉ lệ đẻ trứng rất nghiêm trọng đối với vịt sinh sản. Không dùng các loại thức ăn có hàm lượng muối cao, trong thức ăn có thể sử dụng chế phẩm vi sinh như EM, dung dịch Anolit, Catolit để giảm thiểu việc ô nhiễm môi trường do chất thải của vịt.

- Nước uống: Nước uống cho vịt phải là nước sạch, không dùng nước đục, nước ao, hồ tù đọng, nước giếng có hàm lượng sắt cao. Có thể dùng thuốc tím 0,5‰ (5 gam cho 10 lít nước) để khử trùng nước uống cho vịt hoặc Cloramin 1‰ (10 gam cho 10 lít nước). Có thể dùng Anolit, Catolit để sát trùng nước thường xuyên cho vịt uống.

6.3. Vệ sinh sau từng đợt chăn nuôi

Chuồng trại và dụng cụ chăn nuôi được có rửa sạch sẽ và khử trùng tiêu độc để chuẩn bị đợt chăn nuôi tiếp, để trống chuồng 7 - 15 ngày.

Thực hiện tiêm phòng và dùng thuốc phòng bắt buộc theo đúng quy trình phòng bệnh cho từng giống và từng loại gia cầm. Đẩy mạnh công tác phòng dịch cho các đàn gia cầm nuôi phân tán trong nông hộ.

Thực hiện nghiêm ngặt việc phun thuốc khử trùng định kỳ trong chuồng nuôi và khu vực trang trại, gia trại 1 - 2 lần/tuần. Tuân thủ nghiêm túc các vấn đề về an toàn sinh học cho trang trại và cho người ra vào khu vực chăn nuôi.

6.4. Xử lý chất thải và gia cầm chết

Nước thải, nước rửa chuồng trại của chăn nuôi gia cầm theo hệ thống mương tiêu thoát về đến hồ chứa và phải được xử lý trước khi đưa ra môi trường bên ngoài trang trại. Nếu lượng nước thải không được xử lý kịp thời sẽ gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng và không an toàn cho sản xuất.

Phân và độn chuồng trong quá trình chăn nuôi được thu gom lại thành đồng ở nơi quy định, xử lý theo phương pháp nhiệt sinh vật sau đó mới được sử dụng cho trồng trọt.

Xác gia cầm chết phải tiến hành huỷ theo phương pháp tiêu đốt, không nên chôn sẽ làm bẩn nguồn nước ngầm và ô nhiễm môi trường.

6.5. Lịch tiêm phòng Vaccin

* Lịch tiêm phòng cho vịt thương phẩm:

Ngày tuổi	Vaccin và cách dùng
1-3	- Phòng Vacc xin viêm gan siêu vi trùng: uống hoặc nhỏ hoặc tiêm. - Phòng Kháng thể chống bệnh rut mồi: tiêm dưới da
7 - 10	- Tiêm phòng vắc xin dịch tả vịt lần 1 tiêm dưới da (có hoặc không)
15-18	- Phòng vắc xin H5N1 lần 1 - Bổ sung vitamin chống stress sau tiêm phòng. - Phòng Kháng thể chống bệnh rut mồi: tiêm dưới da
28-46	- Có thể tiêm phòng vắc xin tụ huyết trùng cho vịt. - Tiêm phòng vắc xin H5N1 lần 2, Vacc xin viêm gan siêu vi trùng lần 2
56-60	- Tiêm phòng vắc xin dịch tả vịt lần 2.

QUY TRÌNH KỸ THUẬT TỔNG HỢP PHÒNG TRỪ BỌ HÀ KHOAI LANG TẠI TỈNH LẠNG SƠN

2.1. Thông tin cơ bản về loài bọ hà Cylas formicarius hại khoai lang

a) Đặc điểm hình thái

- Bọ hà trưởng thành, mình thon, đầu có màu đen, phần đầu kéo dài như vòi. Râu dài có 10 đốt, khá phát triển. Mắt kép hình bán cầu hơi lõm ra hai bên đầu. Chân có màu đỏ, đốt xương chày có một vòng tối rộng xung quanh xương chày.

Trưởng thành đục: đốt râu đầu thứ 10 của con đục có hình ống dài, đốt râu đầu thứ 10 này có độ dài bằng 2 lần độ dài của các đốt râu đầu khác.

Trưởng thành cái: đốt râu đầu thứ 10 hình bầu dục, đốt râu đầu này dài bằng 2/3 độ dài của các đốt râu đầu khác.

- Trưởng: có hình bầu dục, màu trắng sữa, gần nõ có màu vàng bóng.

Trưởng được đẻ chủ yếu ở phần tiếp giáp giữa thân và củ, trong điều kiện đất bị nứt nẻ, con cái có thể đẻ trực tiếp vào củ.

- Sâu non: dạng hình ống dài, hai đầu thon nhỏ, thân màu trắng, chân kém phát triển, phần bụng chia đốt rõ ràng.

- Nhộng: lúc đầu có màu trắng sữa, sau chuyển dần màu xám với mắt và chân đen hơn.

b) Triệu chứng gây hại

Trưởng thành bọ hà ăn biểu bì và đẻ trứng vào thân, bề mặt củ khoai lang tạo nên những lỗ thủng tròn nhỏ. Sâu non lớn lên đục thẳng vào bên trong củ tạo thành những đường hầm ngoằn ngoề. Sâu non đục ăn thịt củ và thải phân ngay trong đường đục làm củ khoai lang xuất hiện những vết thối, mùi hắc và có vị đắng khi ăn

c) Đặc điểm sinh thái, phát sinh gây hại của bọ hà

- Vào đầu vụ khoai lang, bọ hà thường gây hại đoạn thân phía gốc của cây khoai lang: đến giai đoạn cuối vụ, bọ hà chủ yếu tập trung gây hại củ khoai lang.

- Với nhiệt độ 28°C và độ ẩm 55%, pha trưởng bọ hà có thời gian phát triển trung bình là 3,04 ngày, pha sâu non trung bình 15,07 ngày và vòng đời bọ hà kéo dài 28,64 ngày. Tại nhiệt độ 24,23°C, độ ẩm 78,04% pha trưởng bọ hà có thời gian phát triển trung bình là 3,17 ngày, pha sâu non kéo dài 18,04 ngày, pha nhộng có thời gian phát triển trung bình 4,96 ngày và vòng đời của bọ hà kéo dài 30,57 ngày.

- Thời tiết khô và nóng là điều kiện thích hợp cho bọ hà phát sinh và gây hại.

2.2. Các biện pháp tổng hợp phòng trừ bọ hà hại khoai lang

a. Biện pháp luân canh cây trồng

+ Luân canh cây khoai lang với các cây trồng cạn khác như: lạc, ngô, đậu tương, các loại đậu... Trong quá trình luân canh, thường xuyên thu gom tàn dư cây khoai lang từ vụ trước còn sót lại trên đồng ruộng. Tại các chân đất trồng khoai liên tiếp 2 -3 vụ tiến hành luân canh với 1 vụ lúa nước để tiêu diệt trứng để nguồn bọ hà tồn dư trong đất. Có thể đưa nước vào ngâm ngập ruộng từ 5-7 ngày trước khi làm đất để nguồn sâu non và nhộng trong ruộng được tiêu diệt hoàn toàn.

b. Biện pháp vật lý cơ giới

- Vệ sinh đồng ruộng

Trước khi trồng từ 7-10 ngày, tiến hành cây ải, phơi đất, làm cỏ và thu gom tàn dư cây khoai lang (củ, thân, rễ, v.v.) còn sót lại trên đồng ruộng.

- Lên luống



+ Đất cát (vân cao): Lên luống rộng 1,4-1,5m, cao 45-50cm.
+ Đất thịt pha cát (vân thấp): Lên luống rộng 1,2-1,3m, cao 40-45cm.
- Phủ luống
+ Sau khi lên luống, phủ toàn bộ luống bằng màng phủ nilon trước khi đặt dây.

+ Những ruộng không có điều kiện che phủ ngay sau khi làm đất, sau trồng 15-20 ngày vun cao luống khoai lang và che phủ toàn bộ phần gốc của cây khoai lang bằng màng phủ nilon hoặc các vật liệu che phủ khác (rơm rạ, cây cỏ lào)

c. Biện pháp xử lý hom giống

Ngâm hom giống trong dung dịch thuốc bảo vệ thực vật có chứa hoạt chất emamectin benzoate hoặc thuốc có hoạt chất indoxacard với liều lượng theo khuyến cáo của nhà sản xuất trong 30 phút trước khi trồng.

d. Biện pháp sinh học

- Sử dụng chế phẩm nấm ký sinh côn trùng Beauveria bassiana với liều lượng 30 kg/ha trộn đều vào đất trước khi lên luống.

- Sử dụng bẫy Pheromone để dự tính dự báo mật độ trưởng thành bọ hà trong khu ruộng trồng khoai lang vào thời điểm ngay sau khi đặt hom giống. Khi trưởng thành bọ hà bắt đầu vào bẫy Pheromone, sử dụng tuyến trùng ký sinh côn trùng (Steinernema spp. hoặc Heterorhabditis spp.) tưới xung quanh gốc khoai lang với liều lượng 8 kg/ha.

e. Biện pháp hoá học

Khi bọ hà gây hại với mật độ >1 sâu non/day hoặc >50 trưởng thành đục/bẫy Pheromone/7 ngày: sử dụng một số thuốc bảo vệ thực vật có hoạt chất Emamectin benzoate hoặc thuốc có hoạt chất Indoxacard hoặc thuốc có hoạt chất Acetamiprid + Buprofezin + Imidacloprid với nồng độ và liều lượng theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

f. Biện pháp thu hoạch và bảo quản

- Thu hoạch

Sau trồng từ 95 – 105 ngày, thường xuyên thăm ruộng và thu hoạch kịp thời khi củ chín sinh lý, khoảng 1/3 số lá (chủ yếu là lá gốc) chuyển sang màu vàng từ nhiên.

- Bảo quản khoai lang

+ Sàng lọc và loại bỏ các củ khoai lang có dấu hiệu bị bọ hà gây hại từ ngoài đồng ruộng. Các củ khoai lang đạt chỉ tiêu về kích thước, chất lượng được đưa vào bảo quản.

+ Kỹ thuật bảo quản: Phủ một lớp cát khô hoặc cát khô + trấu hun (tỷ lệ 1:1) lên trên bề mặt củ, độ dày lớp phủ từ 3-5cm để hạn chế sự xâm nhập của bọ hà từ bên ngoài vào bề mặt củ khoai lang bảo quản.

2.3. Phòng trừ các đối tượng sâu, bệnh hại khác

a. Các loài sâu hại khác

Thường xuyên thăm ruộng, khi phát hiện các đối tượng sâu hại khác (như: sâu khoang Spodoptera litura, sâu xa Agrius convulvuli, bọ phấn Bemisia tabaci), áp dụng các biện pháp quản lý tổng hợp sâu hại cây khoai lang theo nguyên tắc quản lý sinh vật hại tổng hợp (IPM).

Nếu một trong các loài sâu hại này gây hại ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế, sử dụng một số thuốc bảo vệ thực vật có hoạt chất Alpha-cypermethrin, thuốc có hoạt chất Chlorfluazuron, thuốc có hoạt chất Emamectin benzoate hoặc thuốc có hoạt chất Flubendiamide để phòng chống các loài sâu hại này.

b. Các loại bệnh hại khác

Thường xuyên thăm ruộng, khi phát hiện các đối tượng bệnh hại cây khoai lang như (bệnh thối dây do nấm Diaporthe detruens, bệnh ghê do nấm Sphaceloma batatas, bệnh héo vàng do nấm Fusarium sp.), áp dụng các biện pháp quản lý tổng hợp bệnh hại cây khoai